

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HS-ST

Ngày: 30-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Ông Nguyễn Nam Lương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2021/HSST ngày 07/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HS ngày 21/7/2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hồng L (Tèo)**, sinh năm 1987 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1950 (đã chết); Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/9/2016, bị công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 750.000 đồng về hành vi gây thương tích cho người khác.

Ngày 05/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang thi hành án tại Trại giam Sông Cái, Cục 10 - Bộ Công an theo Quyết định Thi hành án hình phạt tù số 115/2020/QĐ-CA ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**- Bị hại:**

1/ Bùi Văn S, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2/ Phan Duy T, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Trần Văn R1, sinh năm: 1985

- Nơi cư trú: Khu phố 2, phường H, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 2/ Trần Văn R2, sinh năm: 1987  
Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- 3/ Trần Văn R3, sinh năm: 1974  
Nơi cư trú: 71 Nguyễn Văn Cừ, phường S, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 4/ Trần Văn R1, sinh năm: 1985  
Nơi cư trú: Khu phố 2, phường H, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 5/ Huỳnh Tấn S1, sinh năm: 1988  
Nơi cư trú: Khu phố 6, phường H, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 6/ Nguyễn Văn S2, sinh năm: 1983  
Nơi cư trú: Thôn T 1, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- 7/ Đào Minh T, sinh năm: 1979  
Nơi cư trú: Tổ 4, phường D, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 8/ Trần Phong H  
Nơi cư trú: Khu phố 1, phường D, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 9/ Lê Thanh Đ, sinh năm: 1978  
Nơi cư trú: 34/3 Cao Thắng, phường L, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 10/ Nguyễn Văn N, sinh năm: 1981  
Nơi cư trú: 34 Ngô Quyền, phường P, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- 11/ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984  
Nơi cư trú: Quán Thê 1, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- 12/ Trần Văn R4, sinh năm: 1984  
Nơi cư trú: Khu phố 1, phường H, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.
- (Tất cả đều vắng mặt)
- Người làm chứng:
- 1/ Hồ Ngọc K, sinh năm: 1989  
Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)
- 2/ Đặng Quốc T, sinh năm: 1982  
Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào đêm 16/9/2010, tại quán cà phê Gót Hồng ở thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Hồ Ngọc K, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận rủ Nguyễn Hồng L đi trộm cắp tài sản. L đồng ý. L điều khiển xe mô tô chở K đến thành phố C. Khoảng 02 giờ ngày 17/9/2010, K và L đến cửa hàng điện thoại di động Hiệp Thành của anh Phan Duy T tại tổ dân phố M, phường N; L đứng ngoài cảnh giới còn K leo vào cửa hiệu lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia N7100, 18 chiếc điện thoại di động hiệu FPT các loại và 1.475.000 đồng. Khoảng 09 giờ ngày 18/9/2010, L lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu FPT sử dụng, còn 18 chiếc điện thoại K và L bán cho Trần Văn R4 được 6.200.000 đồng. K cho L 3.100.000 đồng. Số tiền 1.475.000 đồng K cất giấu riêng không cho L biết.

Tiếp đến, khoảng 01 giờ ngày 28/9/2010, tại quán cà phê Gót Hồng ở thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Hồ Ngọc K rủ Nguyễn Hồng L đi trộm cắp tài sản. L

đồng ý. L điều khiển xe mô tô chở K đến thành phố C để trộm cắp tài sản. Khi đến tiệm cầm đồ 117 của anh Bùi Văn S tại số 117 Đại lộ Hùng Vương, phường L, thành phố C thì L đứng ngoài cảnh giới còn K trèo tường vào nhà anh Sửu lấy 113 chiếc điện thoại các loại, 02 máy tính xách tay hiệu Vaio và Acer, 22 card điện thoại di động (trị giá 1.270.000 đồng) và 2.400.000 đồng. Sau đó K và L mỗi người lấy một chiếc điện thoại di động để sử dụng, còn 22 card điện thoại và 2.400.000 đồng K cất giấu riêng.

Khoảng 08 giờ cùng ngày K và L đem bán cho Trần Văn R4 trú tại Khu phố 1, phường H, thành phố C 61 chiếc điện thoại được 17.000.000 đồng, đến chiều K và L bán cho R4 09 chiếc điện thoại được 10.000.000 đồng. L và K chia đều số tiền trên.

Khoảng 14 giờ ngày 29/9/2010 K và Nguyễn Văn S2 trú tại T 1, xã H, Tp C đem bán cho Huỳnh Tấn S1 và Đào Minh T 07 chiếc điện thoại và 01 máy tính cho Trần Văn R4 được 12.000.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, K và L đem bán 41 chiếc điện thoại và 01 máy tính cho Trần Văn R4 được 25.000.000 đồng. K cho L 21.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/HĐĐG ngày 12/10/2010 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự C kết luận: 113 máy điện thoại và 02 máy tính là 118.530.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/HĐĐG ngày 15/02/2010 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự C kết luận: 19 máy điện thoại là 24.250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản L cùng K trộm cắp là 144.225.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong bản án số 64/2011/HSST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSCR-HS ngày 21/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa truy tố Nguyễn Hồng L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay sau khi đánh giá tính chất của vụ án, phân tích, đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng số 64/CT-VSKCR-HS ngày 21/10/2020. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng L từ 03 năm tù đến 04 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong bản án số 64/2011/HSST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị hại Bùi Văn S, Phan Duy T vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn

R1, Trần Văn R2, Trần Văn R4, Trần Văn R3, Huỳnh Tấn S1, Nguyễn Văn S2, Đào Minh T, Trần Phong H, Lê Thành Định, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và xét xử, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Hồng L phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản cáo trạng. Từ đó có cơ sở chứng minh trong rạng sáng các ngày 17/9/2010 và ngày 28/9/2010, bị cáo Nguyễn Hồng L đã 02 lần tham gia cùng Hồ Ngọc K trộm cắp 19 chiếc điện thoại di động các loại và 1.475.000 đồng của anh Phan Duy T tại cửa hàng điện thoại di động Hiệp Thành thuộc tổ dân phố M, phường N, tổng giá trị 25.725.000 đồng và trộm cắp 113 chiếc điện thoại các loại, 02 máy tính xách tay hiệu Vaio và Acer, 22 card điện thoại di động và 2.400.000 đồng của anh Bùi Văn S tại tiệm cầm đồ 117 Đại lộ Hùng Vương, phường L, tổng giá trị 118.530.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo cùng tham gia chiếm đoạt là 144.255.000 đồng. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, với 04 lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản tại bản án này chưa được xóa án tích và 02 lần cố ý phạm tội trong vụ án này nhằm mục đích bán tài sản chiếm đoạt được tiêu xài cho cá nhân đã đủ yếu tố định khung hình phạt với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là chưa đầy đủ, khách quan và toàn diện.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có đủ khả năng nhận thức hành vi và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của công dân là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu xài mà bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Trong 02 lần trộm cắp, mặc dù bị cáo không trực tiếp lấy trộm tài sản, nhưng bị cáo đồng ý tham gia, chở Hồ Ngọc K đi trộm cắp và đứng ngoài cảnh giới, sau khi lấy trộm được tài sản cùng K cất giấu và sau đó chở K đi bán tài sản lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với những lần trộm cắp mà bị cáo đã tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 24/9/2016, bị Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 750.000

đồng về hành vi gây thương tích cho người khác, trong vụ án này bị cáo phạm tội 02 lần thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tài sản đã thu hồi một phần trả lại cho người bị hại nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[5] Đối với Trần Văn R4, Nguyễn Văn S2, Huỳnh Tấn S1, Trần Văn R1, Trần Văn R2, Trần Văn R3, Đào Minh T, Trần Phong H, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị T có hành vi mua bán tài sản do K, L bán nhưng không biết tài sản do trộm cắp mà có, không truy cứu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong bản án số 64/2011/HSST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ vào:** Điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Điều 136; điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng L 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù của bản án số 103/2020/HS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Hồng L; Bị hại Bùi Văn S, Phan Duy T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn R1, Trần Văn R2, Trần Văn R4, Trần Văn R3, Huỳnh Tấn S1, Nguyễn Văn S2, Đào Minh T, Trần Phong H, Lê Thành Đ, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo phần có liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố C;
- Công an thành phố C;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ Công an Tp C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo.
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Huy**